TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS - PT
Ngày: 25/01/2019
V/v: *Đòi tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ

Ông Nguyễn Quang Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình*:** bà Nguyễn Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số 16/2018/TLPT – DS ngày 10/12/2018.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX – PT ngày 02/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mùi Thị S (tên gọi khác: K), sinh năm 1962.

Nơi cư trú: xã B, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1971 và ông Phạm Văn L (tên gọi khác Phạm Hồng L), sinh năm 1969.

Cùng cư trú: xã T, Thành phố B , tỉnh Hòa Bình

Ông Phạm Văn L ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị V theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2017, vắng mặt. Bà V có mặt.

3. Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Mùi Thị S trình bày:

Qua làm ăn buôn bán tại khu vực xã B , bà có quen biết vợ chồng bà V , ông L. Năm 2011, bà bán Ngô bắp và Ngô hạt cho gia đình bà V, ông L nhiều lần với tổng số tiền 164.397.000đồng, bà đã ứng của bà V 43.000.000đ (*Bốn mươi ba triệu đồng*), sau đó không biết vì lý do gì vợ chồng bà V, ông L không lên huyện V buôn bán nữa, đồng thời không thanh toán trả tiền còn thiếu cho bà. Bà đã đến nhà bà V, ông L ở Hòa Bình đòi tiền nhiều lần nhưng không trả. Ngày 18/9/2017, bà V , ông L đi thuyền lên khu vực xã B, huyện V , bà đã gặp và yêu cầu thanh toán tiền, bà V đã trả được 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng*), tổng đã lấy được từ bà V, ông L là 63.000.000đ (*Sáu mươi ba triệu đồng*). Trước sự chứng kiến của Công an xã B , bà V viết, ký biên bản nhận có nợ tiền mua Ngô của bà S là 164.397.000đ (*Một trăm, sáu mươi bốn triệu, ba trăm, chín mươi bẩy nghìn đồng)* trừ tiền ứng 63.000.000đ (*Sáu mươi ba triệu đồng*), bà V, ông L hẹn về kiểm tra sổ sách tính toán lại và đến ngày 25/9/2017 sẽ lên xã B gặp bà để trả tiền. Khi các bên thỏa thuận ghi Biên bản nợ ngày 18/9/2017 còn có bà Mùi Thị C, ông Vì Văn D và đại diện Công an xã B chứng kiến. Nhưng đến ngày 25/9/2017 bà V không đến gặp bà như đã hứa hẹn, nhiều lần bà đến nhà bà V , ông L đòi nợ không được nên bà làm đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà V ,ông L trả cho bà 104.392.000đ (*Một trăm, linh bốn triệu, ba trăm, chín mươi hai nghìn đồng)*

Quá trình giải quyết vụ án, bà S tính toán lại con số chính xác, yêu cầu bà V , ông L phải trả nợ cho bà 101.397.000đ (*Một trăm linh một triệu, ba trăm, chín mươi bảy nghìn đồng*) cùng lãi xuất theo quy định của pháp luật kể từ tháng 01/2012 đến nay.

Bà S xác nhận đã được ứng của bà V các khoản tiền sau:

+ Lấy qua nhà TH: 20.000.000đồng

+ Lấy 01 máy cưa qua nhà TH: 12.000.000đồng

+ Lấy 01 tấn gạo của bà V : 8.000.000đồng

+ Ngày 18/9/2017 Bà V trả: 20.000.000đồng

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị V đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn là ôngPhạm Văn L trình bày:

Bà V xác nhận vợ chồng bà có kinh doanh buôn bán, có thuyền chở hàng hóa trên Cảng H, xã T lên khu vực Sơn La từ nhiều năm nay. Năm 2011, gia đình bà có cân Ngô của bà S , đã ứng cho bà S nhiều lần nhiều khoản tiền. Ngày 18/9/2017, bà trả thêm cho bà S 20.000.000đồng. Tại Công an xã B ngày 18/9/2017, bà có tạm xác nhận có mua Ngô của bà S với tổng số tiền 164.397.000đ (*Một trăm sáu mươi tư triệu, ba trăm, chín mươi bẩy nghìn đồng*) và đã ứng 63.000.000đồng còn 104.392.000đồng, có hẹn về kiểm tra sổ sách và đến ngày 25/9/2017 sẽ lên xã B gặp bà S để trả. Sau khi về đối chiếu lại sổ ứng của mình thì tổng số bà S đã ứng 112.000.000đ (*Một trăm mười hai triệu đồng*), cụ thể:

+ Ngày 23/10/2011 ứng: 30.000.000đồng
+ Ngày 26/10/2011 ứng: 10.000.000đồng
+ Lấy qua nhà TH: 20.000.000đồng
+ Lấy 01 máy cưa qua nhà TH: 12.000.000đồng
+ Lấy 02 tấn gạo: 20.000.000đồng
+ Ngày 18/9/2017 trả thêm: 20.000.000đồng

Nay bà S yêu cầu vợ chồng bà trả 101.397.000đ (*Một trăm linh một triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn đồng)* cùng lãi xuất, bà và ông L không đồng ý trả vì đã ứng tiền đủ, đã trả nợ xong cho bà S .

Tại bản án sơ thẩm số 09/2018/DSST ngày 28/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 280; Điều 351; Điều 364; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468của Bộ luật dân sự; khoản 14 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Mùi Thị S , buộc bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn L phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Mùi Thị S 94.397.000 đồng. Bác một phần yêu cầu của bà Mùi Thị S yêu cầu bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn L thanh toán trả cho bà 7.000.000đồng.

Án phí:

Bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn L mỗi người phải nộp 2.359.925 đồng, làm tròn 2.360.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Mùi Thị S phải nộp 350.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về đối trừ án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/10/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: bà đã mua của bà S 25.121kg ngô, thành tiền 113.044.000đ (*Một trăm mười ba triệu, không trăm, bốn mươi bốn nghìn đồng*), bà đã ứng cho bà S tổng số 112.000.000đ (*Một trăm mười hai triệu đồng*), nay bà chỉ còn nợ bà S 1.044.000đ (*Một triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)*; cấp sơ thẩm buộc bà phải thanh toán trả cho bà S số tiền 94.397.000đ (*Chín mươi bốn triệu, ba trăm, chín mươi bẩy nghìn đồng*) là không có căn cứ.

Ngày 11/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT – VKS – DS, kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Hòa Bình về những nội dung: việc xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, việc xác định tổng công nợ không chính xác, việc tuyên lãi suất chậm trả thiếu căn cứ điều luật. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị đơn bà Nguyễn Thị V giữ nguyên kháng cáo.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình thay đổi quyết định kháng nghị. Cụ thể:

+ Rút kháng nghị về phần tố tụng của bản án sơ thẩm.

+ Sửa kháng nghị về phần xác định tổng công nợ. Viện Kiểm chấp nhận tổng số tiền bà Nguyễn Thị V nợ bà Mùi Thị S là 121.393.000 đồng, sau khi các bên đã kiểm tra đối chiếu, khấu trừ và chốt theo Giấy khất nợ ngày 18/9/2017, không phải là 153.500.000 đồng theo lời khai của bà V tại phiên tòa sơ thẩm mà quyết định kháng nghị ban đầu đã xác định.

Nguyên đơn bà Mùi Thị S giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự, tuân thủ đúng quy định về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử quy định từ tại Điều 285 đến 292 Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Căn cứ Giấy khất nợ đề ngày 18/9/2017, xác định bà V, ông L còn nợ bà S (K) 121.393.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ, xác định bà S đã được bà V ứng 60.000.000 đồng, bà V ông L còn nợ bà S 61.393.000 đồng.

Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị V đề nghị chỉ trả bà Mùi Thị S 1.044.000 đồng là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị V và chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số09/2018/DSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B. Buộc bà Nguyễn Thị V , ông Phạm Văn L phải thanh toán cho bà Mùi Thị S số tiền 61.393.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tungj.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Mùi Thị S khởi kiện đòi tài sản đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn L, có địa chỉ thường trú tại xã T, Thành phố B . Căn cứ khoản 14 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân dân thành phố thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong thời hạn luật định, được cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình rút một phần kháng nghị về phần tố tụng của bản án sơ thẩm, sửa nội dung kháng nghị về phần xác định tổng công nợ nhưng không vượt quá phạm vi kháng nghị ban đầu. Việc rút, thay đổi kháng nghị đúng quy định tại điều 284 Bộ luật tố tụng Dân sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2].Về nội dung:

[2.1]Năm 2011, vợ chồng bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn L tiến hành việc mua ngô bắp và ngô hạt của 03 người dân trú tại xã B - huyện V - Sơn La là bà Mùi Thị S, bà C và anh D. Việc mua bán giữa các bên không không ký kết thành văn bản, hợp đồng. Các bên mua bán chỉ ghi số lượng và đối chiếu sổ sách, đồng thời các hộ cân ngôthường ứng trước với nhau một khoản tiền.

Quá trình mua bán, bà V ông L đã nhiều lần nhận ngô và ứng tiền cho bà S , tuy nhiên số tiền ứng tại các thời điểm không giống nhau, khi ứng có lúc bà S ký nhận,có lúc không ký nhận.

Do bà V, ông L không tiếp tục mua ngô của bà S, bà C và anh D nữa, nên ngày 18/9/2017, khi gặp bà V , ông L , các bên đã lập biên bản thỏa thuận về việc đã mua bán ngô. Trong biên bản xác nhận:“ năm 2011, bà V và ông L có mua ngô hạt, ngô bắp của bà S ,tổng số lượng 37.365kg, thành tiền là 164.397.000đ (*Một trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm, chín mươi bẩy nghìn đồng),* chị V tạm tính sổ bà S đã ứng là 43.000.000đ (*Bốn mươi ba triệuđồng),* ngày 18/9/2017trả thêm 20.000.00đ (*Hai mươi triệu đồng*). Tổng số tiền chị V trả cho cho chị S là 63.000.000đ (*Sáu mươi ba triệu đồng)”.* Việc thỏa thuận giữa các bên tự nguyện, có xác nhận của đại diện công an xã B là hợp pháp.

Như vậy, có căn cứ khẳng định: năm 2011, bà Vân và ông L mua của bà S tổng số 37.365kg ngô, thành tiền là 164.397.000đ (*Một trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm, chín mươi bẩy nghìn đồng).*

Xét theo biên bản thỏa thuận được lập ngày 18/9/2017 giữa các đương sự thì tổng số nợ là 164.397.000đ (*Một trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm, chín mươi bẩy nghìn đồng),* khi thực hiện việc ký kết, các bên hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc, sau khi đối trừ các khoản cụ thể các đương sự ghi giấy nhận nợ còn lại là 121.393.000đ (*Một trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm, chín mươi ba nghìn đồng).*

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Mùi Thị S thừa nhận, đã nhận của bà V các khoản gồm:

1. Tiền mặt lấy qua nhà TH:20.000.000 đồng
2. Một máy cưa lấy qua nhà TH: trị giá: 12.000.000đồng
3. Lấy 01 tấn gạo của bà V: 8.000.000đồng

Đòi nợ nhiều lần khi xuống nhà được: 3.000.000đồng

(Tổng số tiền là 43.000.000 đồng)

Sau khi các bên chốt giấy nhận nợ ngày 18/9/2017, thì bà Nguyễn Thị V còn nợ là 121.393.000đ (*Một trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm, chín mươi ba nghìn đồng)*, đồng thời khi đó bà V đã vay của anh M 20.000.000đ *(Hai mươi triệuđồng),*

để trả, số tiền còn lại là 101.393.000đ (*Một trăm linh một triệu, ba trăm, chín mươi ba nghìn đồng)*. Nay bà đề nghị Hội đồng xét xử buộc Bà V trả bà số tiền còn lại là 101.393.000đ(*Một trăm linh một triệu, ba trăm, chín mươi ba nghìn đồng)*.

Song bà Mùi Thị S cũng thừa nhận đã có nhận từ bà V 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), để trả cho D và đồng ý đối trừ trong tổng số nợ còn lại. Đồng thời cũng thừa nhận có ứng của Bà V 30.000.000đ " Ba mươi triệu đồng - Ngày 23/10/2011", như bà V đã khai. Tuy nhiên số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) này, bà cho rằng đây là tiền gia đình bà bán Ngô cho bà , chứ không phải là số tiền bà V trả nợ và không đồng ý đối trừ. Tuy nhiên bà S không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận, cần đối trừ cho bà Nguyễn Thị V là phù hợp.

[2.2]Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Hội đồng xét xử xét thấy.

Giữa các đương sự không thống nhất được về khoản tiền mua ngô mà bà V và ông L còn nợ bà S :

Bà Mùi Thị S căn cứ vào biên bản thỏa thuận đề ngày 18/9/2017, tại biên bản có nêu: bà V, ông L đã mua của bà 164.397.000đ(*Một trăm, sáu mươi bốn triệu, ba trăm, chín mươi bẩy nghìn đồng)* tiền ngô, tạm ứng 43.000.000đ (*Bốn mươi ba triệu đồng*) , trong ngày 18/9/2017 trả thêm 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng),* qua đó kết luận bà V ,ông L còn nợ bà S 121.393.000đ(*Một trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm, chín mươi ba nghìn đồng)*. Tuy nhiên, bà V và ông L không thừa nhận việc còn nợ bà S số tiền trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà V khai nhận: vợ chồng bà chỉ còn nợ bà S khoảng 04 xe ngô, giá 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*. Tại đơn kháng cáo và phiên tòa phúc thẩm, Bà V khẳng định chỉ còn nợ bà S số tiền 1.044.000 đồng. Cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản thỏa thuận ngày 18/9/2017 giữa bà V , ông L và bà S , bà C, ông D, xác định đây là thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong khi không thể hiện số tiền nợ còn lại và chỉ "tạm tính" số tiền đã ứng là bất lợi đối với bị đơn, không khách quan và thuyết phục, vi phạm điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về nghĩa vụ chứng minh.

Mặt khác, tại Giấy khất nợ đề ngày 18/9/2017, bà V thừa nhận còn nợ bà S (bác K) 121.393.000 đồng, (sau khi đã đối trừ 43.000.000 đồng; gồm: lấy qua nhà TH 20.000.000đ; lấy cưa máy 12.000.000đ; 01 tấn gạo 8.000.000đ, trả nợ 3.000.000đ.), cùng ngày 18/9/2017 Bà V đã vay của cháu M 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) trả trước cho bà S . Giấy khất nợ có chữ ký của bà V , bà S và con trai bà S là anh Mùi Văn K cùng người làm chứng Đinh Công T.

Như vậy, có căn cứ khẳng định: Bà V và ông L còn nợ bà S tổng số tiền 121.393.000đ (*Một trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm, chín mươi ba nghìn đồng)*,theo giấy khất nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Sau khi đối trừ20.000.000 đ (*Hai mươi triệu đồng*) vay của M để trả, thì tổng số tiền bà V, ông L còn nợ là 101.393.000đ (*Một trăm, linh một triệu, ba trăm, chín mươi ba nghìn đồng)*.

Kháng nghị của Viện Kiểm sát đề nghị chỉ chấp nhận tổng số tiền bà V và ông L nợ bà S là 121.393.000 là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sai sót của cấp sơ thẩm trong xác định tổng số công nợ là có thể khắc phục tại cấp phúc thẩm. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.3].Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Các khoản tiền bà V đã ứng cho bà S gồm có:

+ Những khoản ứng các đương sự thống nhất: Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bà S, bà V đều thống nhất việc bà S đã được nhận từ bà V, ông L các khoản sau:

1. Tiền mặtlấy qua nhà TH: 20.000.000đồng

2. Một máy cưa lấy qua nhà TH: trị giá 12.000.000đồng

3. Tiền mặtngày 18/9/2017 Bà V trả: 20.000.000đồng

Tổng: 52.000.000 đồng.

+ Những khoản tiền các đương sự chưa thống nhất: ngoài 03 khoản trên, bà V khai nhận đã ứng cho bà S các khoản sau:

+ Ngày 23/10/2011, bà V ứng cho bà S 30.000.000đ (*Ba mươi triệuđồng)*. bà S khẳng định số tiền trên không nằm trong phạm vi khởi kiện vụ án này vì đây khoản tiềnngày 23/10/2011gia đình bà đã bán ngô cho bà V (16.000kg, giá 4.400đồng/1 kg, thành tiền 70.400.000đồng). Bà V trả cho bà30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) và nợ lại 40.400.000đ (*Bốn mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng*). Số tiền này bà không tính vào trong tiền bán ngô bà đã tính toán ngày 18/9/2017 và khởi kiện bà V .Tuy nhiên bà S không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận, cần đối trừ nợ cho bà Nguyễn Thị V là phù hợp.

+ Ngày 26/10/2011, bà V ứng cho bà S 10.000.000đ *(Mười triệu đồng*).Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S khai đây là số tiền bà ứng cho anh D, không phải số tiền bà nhận ứng cho mình. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà S cũng đồng ý đối trừ khoản tiền này trong tổng sốtiền mà bà V , ông L còn nợ bà. Như vậy, có căn cứ để đối trừ số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) này trong tổng số tiền bàVân nợ bà S .

+ Bà Nguyễn Thị V đã trả cho bà S 02 tấn gạo trị giá 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*): Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà V không xuất trình được văn bản, tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả bà S 02 tấn gạo; tuy nhiên bà S thừa nhận đã lấy của bà V 01 tấn gạo, trị giá 8.000.000đ (*Tám triệuđồng*) và đồng ý đối trừ vào tiền bà V còn nợ, trong tổng số nợ theo biên bản thỏa thuận, trước khi các bên viết giấy khất nợ.

Như vậy, cần đối trừ thêm các khoản ứng sau đây vào tổng số tiền bà Nguyễn Thị V, ông Phạm Văn L nợ bà Mùi Thị S :

1. Ngày 26/10/2011 ứng: 10.000.000đồng

2. Ngày 23/10/2011 ứng: 30.000.000 đồng

Tổng: 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

Như vậy, tổng số tiền còn lại bà V và ông L phải trả cho bà Mùi Thị S là:

101.393.000 đồng– 40.000.000đồng = 61.393.000 đồng.

Tại phiên tòa bà S không yêu cầu tính lãi xuất trên số tiền bà V có nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị V đề nghị công nhận việc bà đã ứng cho bà S tổng số 102.000.000đ (*Một trăm linh hai triệu đồng*) trên tổng số nợ 113.044.000đ (*Một trăm, mười ba triệu, không trăm, bốn mươi bốn nghìn*) là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.4]Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện,bà Mùi Thị S yêu cầu bà V , ông L phải thanh toán trả cho bà 104.392.000đ (*Một trăm linh bốn triệu, ba trăm, chín mươi hai nghìn đồng)*. Tại cấp phúc thẩm,Hội đồng xét xử nhận định số tiền bà Nguyễn Thị V, ông Phạm Văn L phải trả cho bà 61.393.000đ (*Sáu mươi mốt triệu, ba trăm, chín mươi ba nghìn đồng)*. Căn cứ khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14, phải xác định lại nghĩa vụ chịu án phí đối với các đương sự.

Vì vậy, bà Mùi Thị S phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện đã vượt quá theo số tiền là: 104.392.000đ –61.393.000đ =43.000.000 đồng (làm tròn)

Bà V, ông L phải nộp án phí cho nghĩa vụ trả nợ là 61.393.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm, các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của của bị đơn bà Nguyễn Thị V. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DSST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

2. Áp dụng: Điều 351; Điều 364; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 14 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mùi Thị S ,buộc bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn L phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Mùi Thị S số tiền 61.393.000 *(sáu mươi mốt triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6 điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Mùi Thị S phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.150.000đ (*Hai triệu,một trăm năm mươi nghìn đồng*), đã nộp 2.600.000đ *(Hai triệu, sáu trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án thành phố B theo biên lai số 0003406 ngày 20/11/2017. Nay được hoàn lại 450.000đ (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn L cùng phảichịu 3.007.000đ (*Ba triệu, không trăm linh bẩy nghìn đồng* - làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị V được hoàn lại300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố B theo biên lai số 0005428 ngày 10/11/2018.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án: ngày 25tháng 01 năm 2019.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại Hà Nội*
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình*
- *TAND TP. B*
- *Chi cục TP. B*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng